

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG NHẬT 4

Số tín chỉ : 2
Hệ đào tạo : Đại học chính quy
Ngành : Các ngành

Năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành đào tạo: Các ngành

Hệ đào tạo: Đại học Chính quy

- 1. Tên học phần:** Tiếng Nhật 4
- 2. Mã học phần:** TNHAT 303
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- 4. Trình độ:** Sinh viên đại học năm thứ 3
- 5. Phân bổ thời gian:**
 - Lý thuyết: 30 tiết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần tiếng Nhật 1,2,3

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn
2			
3			

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm các nội dung về : Ngữ pháp - Đọc hiểu và đàm thoại (bài 13 đến bài 16): giới thiệu những điểm ngữ pháp cơ bản, sau mỗi điểm ngữ pháp là phần luyện tập cơ bản để sinh viên có thể ứng dụng trong giao tiếp, cuộc sống hàng ngày và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn có nội dung đơn giản gắn gũi với cuộc sống thường nhật như liệt kê các hành động, giải thích nguyên nhân, lý do, kể lại các hoạt động đã thực hiện, hướng dẫn sử dụng các thiết bị, đồ dùng đơn giản...

- **Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:**

- **Ngữ pháp:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ ở các thể -tai, -te kudasai, -te imasu, -temo idesu, -tewa ikemasen..., các trợ từ dùng với danh từ, động từ, tính từ.

- **Từ vựng:** Cung cấp cho sinh viên từ vựng chủ đề gia đình, nghề nghiệp, sinh hoạt trong khu phố, đi lại, hỏi đường, nhà ga ...

- **Kỹ năng:** Học phần luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc, viết theo chủ điểm ngữ pháp và chủ đề bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 5 phần : từ vựng, ngữ pháp và luyện tập ngữ pháp, hội thoại, nghe hiểu, đọc hiểu. Kết thúc mỗi bài đều có bài tập củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Sử dụng được khoảng 150 chữ Kanji đơn giản	3	[2.1.1b]
MT1.2	Hiểu được các cấu trúc các mẫu câu như mệnh lệnh, sai khiến, biểu thị mong muốn, cảm đoán, chỉ dẫn, mô tả các hoạt động thường ngày, các mối quan hệ của bản thân và đối tượng giao tiếp.	3	[2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Viết đúng thứ tự các nét các chữ Kanji được học	4	[2.2.2]
MT2.2	- Viết câu mô tả mong muốn, mệnh lệnh, cảm đoán, chỉ dẫn..., các hoạt động thường ngày của bản thân và các thành viên trong gia đình.	4	[2.2.2]
MT2.3	- Nghe, đọc hiểu đoạn hội thoại về chỉ dẫn, mua bán, hỏi thăm tại các địa điểm khác nhau như nhà hàng, nhà ga...	4	[2.2.2]
MT2.4	- Hội thoại chỉ dẫn, mua bán, hỏi thăm so sánh theo tình huống hội thoại	4	[2.2.2]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	- Sử dụng đúng ngôn ngữ, tác phong giao tiếp trong các tình huống giao tiếp cụ thể	4	[2.3.1]
MT3.2	- Tuân thủ các quy tắc giao tiếp và tôn trọng nền văn hóa bản địa và văn hóa Nhật Bản	4	[2.3.1]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT3.3	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Đọc và viết đúng 150 chữ Kanji cơ bản	3	[1.3]
CDR1.2	Trình bày được các từ vựng, cấu trúc các mẫu câu mệnh lệnh, các cách nói biểu thị sự mong muốn, cảm đoán, liệt kê các hoạt động... và biết cách vận dụng các cấu trúc đã học để thực hành giao tiếp.	3	[1.3]
CDR2	Kĩ năng		
CDR2.1	Có khả năng biểu thị mô tả mong muốn, đưa ra mệnh lệnh, cầu khiến, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp.	4	[2.8]
CDR2.2	Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng theo tác phong giao tiếp chào hỏi, làm quen của người Nhật	4	[2.8]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, truyền đạt các thông tin cơ bản trước lớp.	4	[3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3

1	第13課：別々にお願いします 13.1. 語彙 13.2. 文法・文型 + 練習 A + 練習 B 13.3. 活動 + 会話 + 練習 C 13.4. 聴解 + 問題 13.5. 復習 + 問題 + 読解	X	X	X	X	X	X	X
2	第14課：みどり町までお願いします 14.1. 語彙 14.2. 文法・文型 + 練習 A + 練習 B 14.3. 活動 + 会話 + 練習 C 14.4. 聴解 + 問題 14.5. 復習 + 問題 + 読解	X	X	X	X	X	X	X
3	漢字：第7-8 - 読み方 - 書き方 - 使い方	X	X	X		X	X	X
4	第15課：ご家族は？ 15.1. 語彙 15.2. 文法・文型 + 練習 A + 練習 B 15.3. 活動 + 会話 + 練習 C 15.4. 聴解 + 問題 15.5. 復習 + 問題 + 読解	X	X	X	X	X	X	X
5	第16課：使い方を教えてください 16.1. 語彙 16.2. 文法・文型 + 練習 A + 練習 B 16.3. 活動 + 会話 + 練習 C 16.4. 聴解 + 問題 16.5. 復習 + 問題 + 読解	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần; vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp, thời gian 90 phút (sinh viên chuẩn bị: 05 phút, trình bày: 05 phút)
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Phương pháp dạy và học

- Các phương pháp dạy học có thể áp dụng: Thuyết trình, thảo luận nhóm, trực quan hóa, cuộc hội thoại, giao bài tập về nhà cho Sinh viên, kiểm tra, đánh giá khả năng tự học của Sinh viên quá trình học tập.

- Sinh viên lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận, làm bài tập, tích cực nắm bắt kiến thức và vận dụng nội dung bài học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn các vấn đề.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu nghiên cứu tài liệu: Đọc giáo trình trước khi lên lớp, đọc thêm các tài liệu liên quan đến học phần.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ trước khi đến lớp học. Thực hiện tốt các nhiệm vụ được giảng viên giao. Ghi chép và tích cực thảo luận và xây dựng bài học trên lớp.

- Yêu cầu thực hiện nhiệm vụ bài tập về nhà: Sinh viên phải nghiêm túc thực

hiện việc tự học bài ở nhà, làm bài tập theo hướng dẫn của giáo viên và hoàn thành đầy đủ các bài tập và nhiệm vụ do giảng viên giao.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham gia tối thiểu 80% thời lượng khóa học theo quy chế.

- Yêu cầu kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo quy chế.

14. Tài liệu học tập:

- Tài liệu bắt buộc

[1]. *Mina No Nihongo - Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ, 2019

[2]. *Minna no nihongo - Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ, 2019

[3]. *Mina No Nihongo - Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Hán tự* (Bản tiếng Việt), Nhà xuất bản trẻ, 2019

[4]. *Mina No Nihongo - Nhật ngữ sơ cấp - Luyện tập mẫu câu*, Nhà xuất bản thời đại, 2013

- Tài liệu tham khảo

[5]. *Mina No Nihongo - Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ, 2019

15. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	<p>第 13 課 : 別々をお願いします</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày danh từ liên quan đến các địa điểm sinh hoạt thường ngày như khu phố, nhà ga, cửa hàng, siêu thị... - Hiểu mẫu câu dùng động từ chỉ sự chuyển động, động từ thể - tai, cấu trúc -ga hoshi biểu thị mong muốn. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>13.1 語彙</p> <p>13.2 文法・句型</p> <p>+ 練習A</p> <p>+ 練習 B</p>	2		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Học trước các danh từ chủ đề bài 13, giải thích mẫu câu trang 82 - 87 tài liệu [2]; - Luyện tập mẫu câu mô tả mong muốn dùng động từ thể - tai, cấu trúc -ga hoshi trang 112 - 114 tài liệu [1].
2	<p>第 13 課 : 別々をお願いします</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thoại tại nhà hàng sử dụng 	2		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập từ vựng, giải thích mẫu câu trang 82 - 87 tài liệu

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	danh từ chỉ địa điểm, món ăn và các cấu trúc trong bài; - Luyện nghe hiểu các mẫu câu biểu thị mong muốn. Nội dung cụ thể: 13. 3. 活動 + 会話 + 練習 C 13. 4. 聴解 + 問題				[2]; - Luyện hội thoại trang 111, 115 tài liệu [1]; - Luyện nghe trang 115, 116 tài liệu [1].
3	第 13 課 : 別々をお願いします Mục tiêu: - Luyện tập đọc hiểu; - Luyện tập củng cố cấu trúc ngữ pháp bài học. Nội dung cụ thể: 13. 5. 復習 + 問題 + 読解	2		[1] [2]	- Ôn tập từ vựng, giải thích mẫu câu trang 82 - 87 tài liệu [2]; - Luyện đọc hiểu, làm bài tập củng cố ngữ pháp trang 116 - 117 tài liệu [1].
4	第 14 課 : みどり町までお願いします Mục tiêu: - Trình bày các nhóm động từ và cách chia động từ theo nhóm, các danh từ chủ đề nhà ga; - Hiểu và chia đúng động từ thể -te Nội dung cụ thể: 14. 1. 語彙 + 名詞 14. 2. 文法・文型 + 練習 A + 練習 B	2		[1] [2]	- Học trước từ vựng bài 14, giải thích mẫu câu trang 88 - 93 tài liệu [2]; - Luyện tập mẫu câu mô tả vị trí, sự tồn tại của người và sự vật tại một địa điểm nhất định trang 84 - 86 tài liệu [1].
5	第 14 課 : みどり町までお願いします Mục tiêu: - Hội thoại sử dụng cấu trúc -te	2		[1] [2]	- Ôn tập từ vựng, giải thích mẫu câu trang 88 - 93 tài liệu [2];

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	kudasai để chỉ dẫn; - Luyện nghe hiểu. Nội dung cụ thể: 14. 3. 活動 + 会話 + 練習 C 14. 4. 聴解 + 問題				- Luyện hội thoại trang 83, 87 tài liệu [1]; - Luyện nghe trang 88 - 89 tài liệu [1].
6	第 14 課 : みどり町までお願いします Mục tiêu: - Luyện tập đọc hiểu; - Luyện tập củng cố cấu trúc ngữ pháp bài học. Nội dung cụ thể: 14. 5. 復習 + 問題 + 読解	2		[1] [2]	- Ôn tập từ vựng, giải thích mẫu câu trang 88 - 93 tài liệu [2]; - Luyện đọc hiểu, làm bài tập củng cố ngữ pháp trang 89 - 90 tài liệu [1].
7	漢字: 第 7 - 8 Mục tiêu: - Trình bày qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán-Việt, cách đọc các chữ Kanji cơ bản thường gặp từ bài 7 đến bài 8; - Hiểu qui tắc trình tự nét viết, đọc, viết và sử dụng được các chữ Kanji được học. Nội dung cụ thể: - 読み方 - 書き方 - 使い方	2		[3]	- Đọc trước trang 36 - 48 tài liệu [3]; - Làm bài luyện tập trang 63 - 75 tài liệu [3].
8	Kiểm tra GHP	2		[1] [2]	- Ôn tập từ vựng, cấu trúc câu bài 13, bài 14 tài liệu [1] và [2], chữ Kanji bài 7, bài 8 tài liệu [3].

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
9	<p>第 15 課 : ご家族は?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày mẫu câu biểu thị sự xin phép, cảm đoán; thì tiếp diễn của động từ; - Hiểu cách sử dụng mẫu câu biểu thị sự xin phép, cảm đoán và mô tả được hoạt động đang xảy ra. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>15. 1 語彙</p> <p>15. 2 文法・句型</p> <p>+ 練習 A</p> <p>+ 練習 B</p>	2		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Học trước từ vựng, giải thích mẫu câu bài 15 trang 94 - 99 tài liệu [2]; - Luyện tập mẫu câu trong bài học trang 92 - 94 tài liệu [1].
10	<p>第 15 課 : ご家族は?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thoại thăm hỏi tình hình gia đình của đối tượng giao tiếp; - Luyện nghe hiểu. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>15. 3 活動</p> <p>+ 会話</p> <p>+ 練習 C</p> <p>15. 4 聴解</p> <p>+ 問題</p>	2		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập từ vựng, giải thích mẫu câu bài 15 trang 94 - 99 tài liệu [2]; - Luyện hội thoại trang 91, 95 tài liệu [1]; - Luyện nghe trang 96 - 97 tài liệu [1].
11	<p>第 15 課 : ご家族は?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập đọc hiểu; - Luyện tập củng cố cấu trúc ngữ pháp bài học. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>15. 5. 復習</p> <p>+ 問題</p> <p>+ 読解</p>	2		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập từ vựng, giải thích mẫu câu bài 15 trang 94 - 99 tài liệu [2]; - Luyện đọc hiểu, luyện tập ngữ pháp trang 92 - 94 tài liệu [1].
12	<p>第 16 課 : 使い方を 教えてください</p> <p>Mục tiêu:</p>	2		[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Học trước từ vựng, giải thích mẫu câu bài 16 trang 100 -

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>- Trình bày cách nối câu với động từ, tính từ, danh từ; cách hỏi và trả lời về trình tự các hoạt động, cấu trúc - tekara;</p> <p>- Hiểu cách nối câu sử dụng động từ, danh từ, tính từ, cách hỏi và trả lời về trình tự các hoạt động, cấu trúc - tekara.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>16.1 語彙</p> <p>16.2 文法・文型</p> <p>+ 練習A</p> <p>+ 練習 B</p>				<p>105 tài liệu [2];</p> <p>- Luyện tập mẫu câu trang 100 - 102 tài liệu [1].</p>
13	<p>第 16 課 : 使い方を 教えてく ださい</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Hội thoại chỉ dẫn cách sử dụng máy ATM;</p> <p>- Luyện nghe hiểu.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>16.3 活動</p> <p>+ 会話</p> <p>+ 練習 C</p> <p>16.4 聴解</p> <p>+ 問題</p>	2		<p>[1]</p> <p>[2]</p>	<p>- Ôn tập từ vựng, giải thích mẫu câu bài 16 trang 100 - 105 tài liệu [2];</p> <p>- Luyện hội thoại trang 99, 103 tài liệu [1];</p> <p>- Luyện nghe trang 104 tài liệu [1].</p>
14	<p>第 16 課 : 使い方を 教えてく ださい</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Luyện tập đọc hiểu;</p> <p>- Luyện tập củng cố cấu trúc ngữ pháp bài học.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>16.5. 復習</p> <p>+ 問題</p> <p>+ 読解</p>	2		<p>[1]</p> <p>[2]</p>	<p>- Học trước từ vựng, giải thích mẫu câu bài 16 trang 100 - 105 tài liệu [2];</p> <p>- Luyện đọc hiểu, luyện tập mẫu câu trang 105 - 106 tài liệu [1].</p>
15	<p>復習</p> <p>Mục tiêu:</p>	2		<p>[1]</p> <p>[2]</p>	<p>- Ôn tập từ vựng, giải thích mẫu câu từ</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>- Ôn tập từ vựng, cấu trúc ngữ pháp từ bài 13 đến bài 16;</p> <p>- Đọc hiểu và hội thoại mời, rủ bạn bè đi xem phim, giải trí..., đưa nhận xét, biểu thị cảm xúc...</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>1. 語彙</p> <p>2. 文型・文法</p> <p>【第13課～第16課】</p>			<p>[3]</p> <p>[4]</p>	<p>bài 13 đến bài 16 tài liệu [2];</p> <p>- Ôn tập chữ Kanji từ bài 7 và bài 8 tài liệu [3];</p> <p>- Làm bài tập ôn tập trang 142, 143 tài liệu [1].</p> <p>- Làm bài tập tài liệu [4] trang 81 - 98.</p>

Ngày 02 tháng 8 năm 2019

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên